



sǎo shè

扫射

verb · to strafe, to spray (with bullets)

Example Sentences

Dí rén yòng jī qiāng sǎo shè cūn zhuāng
敌人用机枪扫射村庄。

The enemy strafed the village with machine guns.

Diàn yǐng lǐ shì bīng xiàng dí rén zhèn dì sǎo shè
电影里士兵向敌人阵地扫射。

In the movie, soldiers sprayed bullets at the enemy position.

Trace each character, then write the word on your own.

扫	扫	扫	扫	扫	扫	扫	扫	扫		
射	射	射	射	射	射	射	射	射	射	射
射	射									